

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ - ST

Ngày 12 tháng 6 năm 2020

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Khang

2. Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1988, có mặt.

Địa chỉ: Phố P, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Lê Ngọc L, sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI D V U Á N:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Chị kết hôn với anh Lê Ngọc L ngày 25/11/2010, trước khi cưới có được tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh L. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mặt khác do vợ

chồng kết hôn đã lâu không có con chung nên thiếu sự gắn bó, ràng buộc. Hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Ngọc L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức:Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn - anh Lê Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh L nhưng anh L đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại địa phương và gia đình cho biết trong quá trình chung sống chị D và anh L có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì gia đình và địa phương không nắm được. Hiện tại anh L vẫn có hộ khẩu tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng anh L không có mặt tại địa phương, gia đình cho biết anh L đi làm ở Hà Nam nhưng không biết địa chỉ cụ thể, anh L cũng không nói cho gia đình biết. Giữa chị D và anh L vẫn chưa có con chung mặc dù đã đi chạy chữa nhiều nơi. Địa phương thì không nắm được hiện anh L đi đâu, làm gì và ở đâu do anh L không khai báo. Thỉnh thoảng anh L vẫn về địa phương khi gia đình có việc. Gia đình có nhận được Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án, có báo lại cho anh L nhưng anh L nói: “Chúng con lớn rồi, chuyện vợ chồng chúng con bố mẹ cứ để chúng con tự giải quyết”. Nay chị D xin ly hôn anh L, gia đình và chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình điều tra, thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không

thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự . Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh L của chị D. Về con chung, tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức các bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, địa phương nơi cư trú và người thân của anh L cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh L nhưng gia đình đã thông báo cho anh L biết việc D xin ly hôn. Như vậy việc anh L vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật .

[2] Về quan hệ Hôn nhân và gia đình giữa chị Lê Thị D và anh Lê Ngọc L thấy rằng:

Cuộc hôn nhân giữa chị Lê Thị D và anh Lê Ngọc L là cuộc hôn nhân tiến bộ và hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện của các bên nên cũng có một thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống đã lâu mà không có con chung, quan điểm sống khác nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh L đã đến mức căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc chị D xin ly hôn anh L là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Qua xác minh tại UBND xã T và lời khai của chị D thì chị D và anh L không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5] . Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Do chị D và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Lê Ngọc L

2. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0004843 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị D đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Trường Sơn